

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát,
hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành văn bản quy phạm pháp luật; Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 243/TTr-UBND ngày 12/7/2019; Báo cáo thẩm tra số 615/BC-PC ngày 12/7/2019 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh (Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết.
2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết.
3. Trường hợp các văn bản được áp dụng trong nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

2. Nghị quyết Thay thế Nghị quyết số 12/2011/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 của HĐND tỉnh quy định mức chi có tính chất đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Sơn La khoá XIV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận: *msb*

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước, VPQH, VPCP;
- UB Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Đoàn ĐBQH tỉnh khoá XII;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá XII;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- TT huyện ủy, Thành ủy, HĐND; UBND huyện, thành phố;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, PC (V.Công 450b).

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Chất

PHỤ LỤC

**Một số mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá
văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh**

(Kèm theo Nghị quyết số 101/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019 của HĐND tỉnh)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Mức chi công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La:				
1	Các nội dung chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:				
1.1	Đối với các khoản chi cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ và công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản và đội ngũ cộng tác viên				Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 88/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh.
1.2	Đối với các khoản chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản				Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Sơn La.
1.3	Đối với các khoản chi mua sắm các trang thiết bị, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa phục vụ cho công tác kiểm tra văn bản				Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về mức chi tạo lập tin điện tử thuộc công nghệ thông tin và các quy định hiện hành về công nghệ thông tin, xây dựng và quản lý hệ cơ sở dữ liệu.
1.4	Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản				Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ chi khen thưởng.
1.5	Chi hợp đồng có thời hạn với cộng tác viên kiểm tra văn bản				Thực hiện theo quy định của pháp luật lao động.
2	Đối với các khoản chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; các khoản chi công tác phí cho những người đi công tác trong nước (bao gồm cả cộng tác viên, thành viên tham gia các đoàn kiểm tra văn bản và đoàn kiểm tra công tác kiểm tra, rà soát văn bản)				Thực hiện theo Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
3	Đối với khoản chi tổ chức hội thi theo ngành, lĩnh vực, địa phương về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản		Thực hiện theo Quy định tại Nghị quyết số 100/2019/NQ-HĐND tỉnh ngày 16/7/2019 của HĐND tỉnh về quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La.		
II	Mức chi có tính chất đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh				
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch (<i>bao gồm cả xử lý văn bản tại cơ quan được kiểm tra, do cơ quan được kiểm tra chi trả</i>); họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan kiểm tra.				
1.1	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	150	90	70
1.2	Các thành viên tham dự	Người/buổi	100	60	50
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 báo cáo/01 văn bản	600	420	300
3	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra văn bản (không áp dụng đối với cán bộ, công chức làm nhiệm vụ kiểm tra văn bản đã được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề)	01 văn bản	100	70	50
4	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản				
4.1	Mức chi chung	01 văn bản	140	100	70
4.2	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	300	210	140
5	Chi soạn thảo, viết báo cáo				
5.1	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật	01 báo cáo	200	150	100
5.2	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực (cấp tỉnh, huyện, xã)	1 báo cáo	1000	700	500
5.3	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực (cấp ngành)	1 báo cáo	700		
5.4	Trường hợp phải thuê các chuyên gia bên ngoài cơ quan	01 báo cáo	1.500	1.200	1.000

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
6	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản trên các phương tiện thông tin đại chúng		Thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp		
7	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản		Thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp		
7.1	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản; rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định tại Điều 178 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.	01 văn bản	100	70	50
7.2	Chi thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật				
-	Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí		Thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp		
-	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn (<i>không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo</i>).	01 tài liệu (01 văn bản)	70	50	30
8	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản		Thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp		
9	Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu và văn phòng phẩm ...		Thực hiện theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.		

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Chất